

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2025.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.
- Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;
- Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đạt - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh 07/01/2025/10/2024 về tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 07/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Anh T, sinh năm 2002. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 11, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Cẩm T, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 11, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại biên bản hòa giải nguyên đơn chị Mai Anh T trình bày:

Tôi và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ tháng 06/2024 đến nay, nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay tôi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn anh Lê Cẩm T.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Anh H, sinh ngày 18/5/2021. Hiện cháu H đang sống cùng tôi, nên sau khi ly hôn tôi yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, (tại đơn khởi kiện tôi có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, nhưng nay tôi chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại bản tự khai, lời trình bày tại biên bản hòa giải anh T trình bày như sau:

Thông nhất với chị Th về quá trình kết hôn và thời gian ly thân. Trước đây tôi có nhắn tin qua lại với người khác, làm cho vợ tôi giận bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6/2024 đến nay. Tuy nhiên do tôi còn thương vợ nên tôi không đồng ý ly hôn, mong vợ tôi cho tôi thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với chị Mai Anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung, hiện đang sống cùng vợ tôi. Ttrường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn có địa chỉ tại Ấp 11, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Th và anh T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Mai Anh T yêu cầu ly hôn với anh Lê Cẩm T với lý do vợ chồng không còn hợp nhau về lối sống, nên phát sinh nhiều tranh cãi trong đời sống hôn nhân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được, nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh T; Phía anh T không đồng ý ly hôn với lý do giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được, anh T mong muốn chị Th cho cơ hội để vợ chồng trở về chung sống cùng nhau.

Xét thấy, chị Th và anh T cùng thống nhất trình bày anh, chị cưới nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/9/2020, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sau khi kết hôn chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Th nghi ngờ anh T có mối quan hệ bên ngoài và thường xuyên nhắn tin qua lại nên vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều tranh cãi, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng chị Th trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ, con và không muốn con phải sống xa cha mẹ, mong muốn vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, sau ngày Tòa án tiến hành hòa giải, động viên anh T không đưa ra được biện pháp hoặc không có động thái nào để hàn gắn tình cảm mà vợ chồng vẫn sống ly thân nhau. Thấy rằng, hôn nhân là sự giữa hai bên, nhưng chị Th vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Th và anh T là trầm trọng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, do mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài nhưng vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh T.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Anh H, sinh ngày 18/5/2021. Sau khi ly hôn chị Th yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Phía anh T cũng trình bày trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn thì anh có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu nuôi con chung của chị Th là phù hợp, bởi cháu H còn nhỏ hiện đang sống cùng chị Th, để tránh sự xáo trộn cuộc sống, làm ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của cháu H, nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu H cho chị Th chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Th thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 3.000.000đ, xuống 2.000.000đ yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu H. Phía anh T trình bày anh có công việc thu nhập ổn định, nên cần buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ, thực hiện việc cấp dưỡng

ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi lao động được.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: hai bên thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: chị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 106, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mai Anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mai Anh T được ly hôn với anh Lê Cẩm T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Anh H, sinh ngày 18/5/2021 cho chị Mai Anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Cẩm T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi lao động được.

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Mai Anh T phải chịu 300.000 đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002843 ngày 07/01/2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như đã nộp xong án phí.

- Anh Lê Cẩm T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa